

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm báo cáo 2012

Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT
Tên tiếng Anh	An Phat Plastic and Green Environment Joint Stock Company
Tên viết tắt	An Phat., JSC
Logo	
Giấy CNĐKKD	0800373586 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 9/3/2007 thay đổi lần thứ 16 ngày 20/12/2012
Vốn Điều lệ	198.000.000.000 đồng
Trụ sở chính	Lô CN 11+ CN 12, Cụm CN An Đồng, TT.Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
Điện thoại	03203.755.998
Fax	03203.755.113
Website	www.anphatplastic.com
Mã cổ phiếu	AAA

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát được thành lập ngày 9/3/2007 có những cột mốc phát triển quan trọng như sau:

- Tháng 09/2002 Tiền thân của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát là Công ty TNHH Anh Hai Duy được thành lập với 02 thành viên, số vốn điều lệ là 500 triệu đồng.
- Tháng 04/2004 Trước sự tăng trưởng nhanh chóng về quy mô thị trường và nhu cầu sản xuất, Công ty đã thuê 10.000 m² đất tại KCN Nam Sách để đầu tư nhà máy sản xuất bao bì nhựa. Đây là nhà máy sản xuất số 1 của Công ty. Nhà máy bắt đầu hoạt động năm 2005 với nhiều sản phẩm chất lượng tốt đã chiếm lĩnh được thị trường và đưa Công ty trở thành một trong những doanh nghiệp sản xuất bao bì lớn nhất miền Bắc.
- Tháng 06/2005 UBND tỉnh Hải Dương chấp thuận cho Công ty thuê 19.967 m² đất tại lô CN3 cụm Công nghiệp An Đồng trong thời gian 25 năm. Công ty đã đền bù, giải phóng mặt bằng, tiến hành san lấp để xây dựng nhà máy sản xuất bao bì nhựa số 2.
- Năm 2006 Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Anh Hai Duy thống nhất phương án chuyển đổi Công ty thành Công ty Cổ phần Nhựa và Bao bì An Phát.
- Tháng 03/2007 Công ty Cổ phần Nhựa và Bao bì An Phát được thành lập với vốn điều lệ 30 tỷ đồng.
- Tháng 04/2007 Công ty quyết định tăng vốn điều lệ lên 60 tỷ đồng. Phần vốn góp thêm 30 tỷ đồng được phát hành cho các cổ đông mới.
- Tháng 12/2007 Công ty quyết định tăng vốn điều lệ lên 66 tỷ đồng. Phần vốn góp thêm 6 tỷ đồng được phát hành cho Beira Limited, nâng tổng số cổ phần của Beira Limited trong Công ty lên 800.000 cổ phần
- Tháng 2/2008 Công ty đưa Nhà máy số 2 có công suất thiết kế 800 tấn sản phẩm/tháng, xây dựng tại Lô CN3 – Cụm Công nghiệp An Đồng – Nam Sách – Hải Dương đi vào hoạt động
- Tháng 09/2009 Nhà máy số 3 trên diện tích 20.064 m² đi vào hoạt động với sản phẩm chiến lược là túi nilon tự phân hủy và túi cuộn cao cấp chuyên dùng trong ngành thực phẩm, sản lượng hàng tháng khoảng 800 tấn/tháng.

- Tháng 11/2009 Công ty đổi tên Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát để phù hợp với mục tiêu và định hướng hoạt động “*sản xuất xanh, bền vững, bảo vệ môi trường*”.
- Tháng 04/2010 Ngày 17/04/2010, Đại hội đồng cổ đông của Công ty quyết định tăng vốn điều lệ lên 99 tỷ đồng thông qua việc phát hành cho cổ đông hiện hữu với giá 37.000 đồng/cổ phiếu. Việc phát hành được hoàn tất vào ngày 15/05/2010.
- Tháng 07/2010 Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán là AAA.
- Tháng 10/2010 Nhà máy sản xuất CaCo₃ của Công ty chính thức đi vào hoạt động, sản lượng trung bình đạt 450 tấn sản phẩm/tháng. Trong năm 2011, Công ty tiếp tục đầu tư dây chuyền sản xuất số 2, nâng công suất của Nhà máy đạt 10.000 tấn sản phẩm/năm, đồng thời xúc tiến xin phép khai thác đá làm nguyên liệu sản xuất tại mỏ đá Mông Sơn tỉnh Yên Bái.
- Tháng 08/2011 Nhà máy sản xuất số 2 mở rộng của An Phát đi vào hoạt động, nâng công suất của toàn nhà máy 2 lên 1.500 tấn sản phẩm/tháng.
- Tháng 8/2012 An Phát nộp hồ sơ xin phát hành 9.900.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1 lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Tháng 11/2012 An Phát hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ lên 198.000.000.000 đồng.
- Tháng 12/2012 An Phát hoàn tất việc lưu ký và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm lên Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội

2. Các thành tích đạt được

- Bằng khen của Thủ tướng chính phủ vì đã có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất và xây dựng, bảo vệ tổ quốc năm 2012.
- Bằng khen về thành tích xuất sắc trong Hợp tác kinh tế Quốc tế của Ủy ban quốc gia về Hợp tác kinh tế quốc tế.
- Sao vàng đất Việt năm 2009, 2010, 2011
- Thương hiệu mạnh năm: 2007, 2008, 2009, 2010, 2011
- Thương hiệu chứng khoán uy tín và Công ty Cổ phần hàng đầu Việt Nam năm 2008, 2009, 2010
- Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương năm 2009, 2010, 2011
- Cùng nhiều bằng khen và giải thưởng uy tín khác

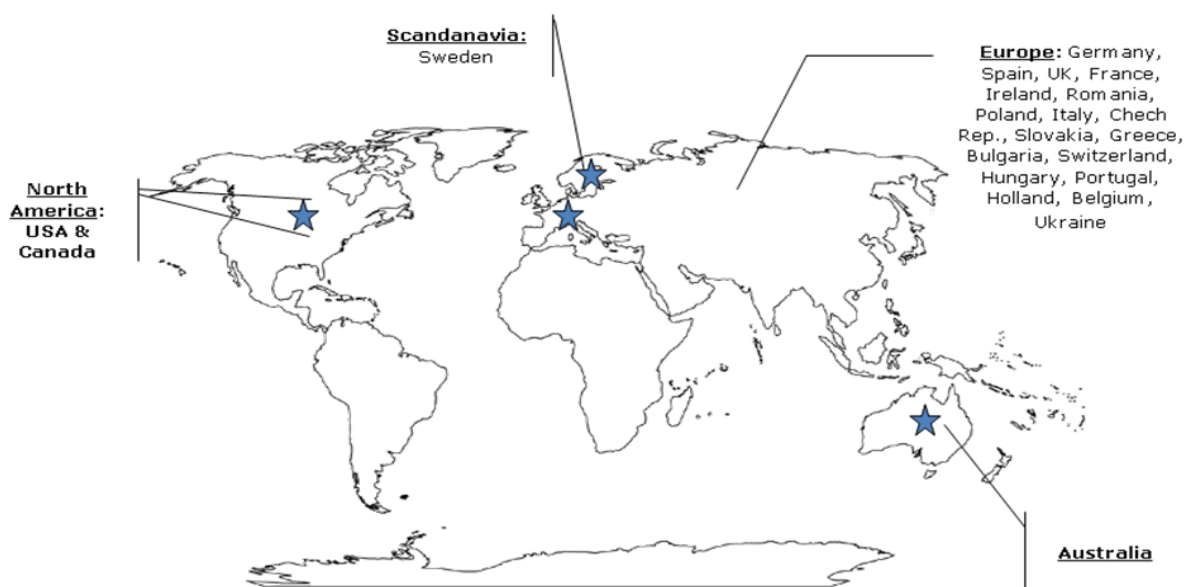
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

– Ngành nghề kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh	Hoạt động
Bao bì nhựa	An Phát là một trong những doanh nghiệp tiên phong tại Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất bao bì nhựa tự phân hủy. Bên cạnh các dòng sản phẩm truyền thống trong những năm qua, công ty đã và đang không ngừng nghiên cứu, thí nghiệm sản xuất thành công những dòng sản phẩm bao bì chất lượng, thân thiện và phù hợp với nhu cầu của thị trường. Sản phẩm của An Phát được tiêu thụ trên các thị trường lớn của thế giới như: EU, Mỹ, Châu Phi, Singapo, Nhật...
Hạt nhựa	Bên cạnh việc nhập khẩu hạt nhựa cho hoạt động sản xuất của mình, An Phát cũng chú trọng tới lĩnh vực kinh doanh thương mại hạt nhựa cho các nhà máy của Việt Nam. Hàng năm hoạt động này cũng tạo doanh thu đáng kể cho An Phát

– **Địa bàn kinh doanh:** Hiện công ty xuất khẩu 95% tổng sản lượng ra nước ngoài với các thị trường chủ yếu: Đức, Anh, Pháp, Italy...

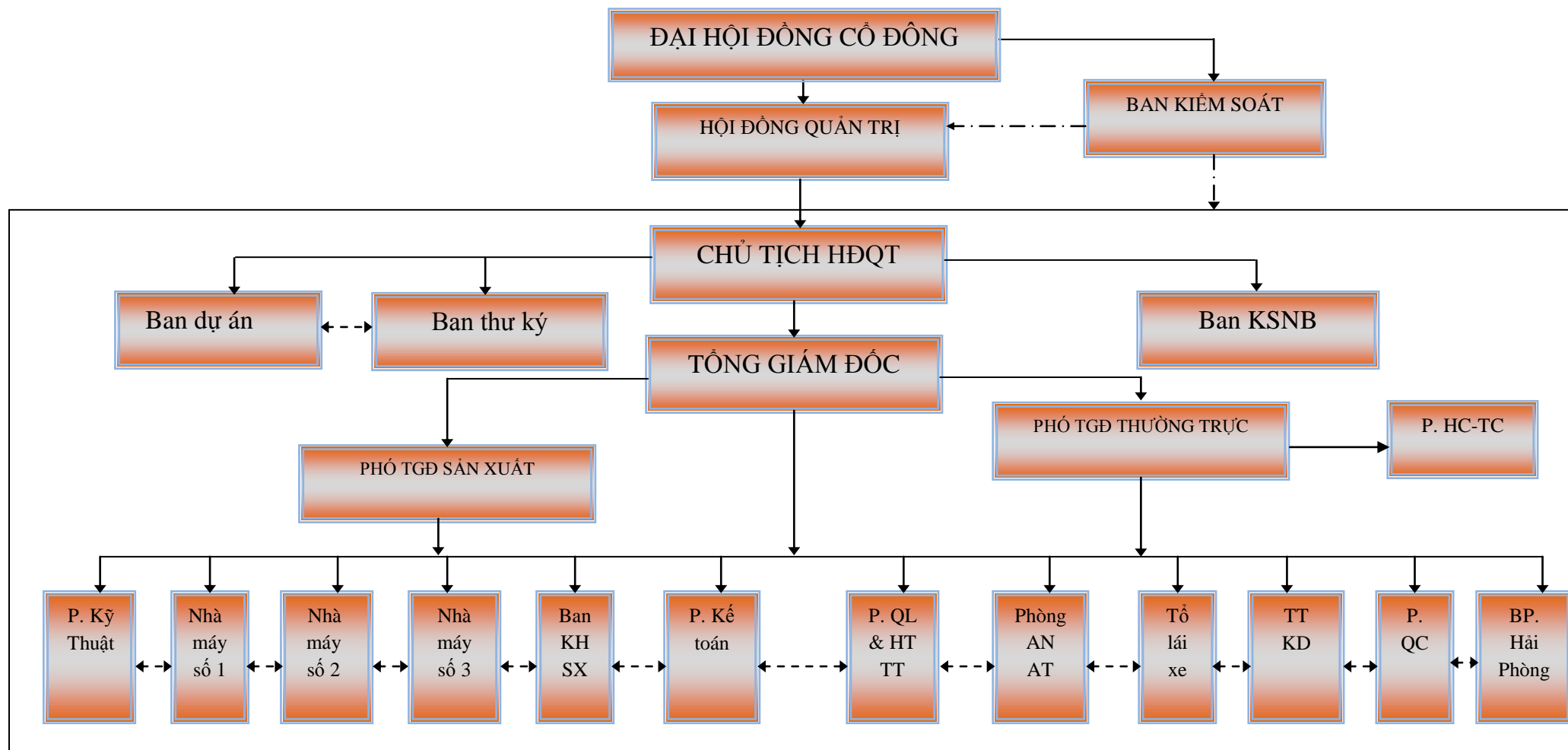
Khách hàng của An Phát



4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị (sơ đồ đề tài trang sau)

Cơ cấu Tổ chức Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát



----->: Mối quan hệ kiểm soát

←----->: Mối quan hệ phối hợp

—————>: Mối quan hệ chỉ đạo

4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý: AAA có trụ sở chính tại Lô CN 11 + CN 12, Cụm CN An Đồng, TT Nam Sách, huyện Nam Sách tỉnh Hải Dương và 01 VP Đại diện tại Hà Nội, 01 Văn phòng đại diện tại Nhật Bản và 01 Văn phòng đại diện tại Thụy Điển.

4.3 Các công ty con, công ty liên kết:

STT	Tên đơn vị	Mối liên hệ	Vốn điều lệ (Đồng)	Tỷ lệ góp vốn của AAA	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái	Công ty con	86.000.000.000	91,86%	Đang hoạt động
2	Công ty Cổ phần nhựa Lào	Công ty con	110.000.000.000	99%	Đang trong quá trình thành lập

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:
 - Phát triển nhanh mạnh, lấy sản xuất bao bì tự huỷ làm ngành chủ đạo
 - Phân đầu trở thành doanh nghiệp sản xuất bao bì lớn nhất Đông Nam Á
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.
 - Công ty tập trung nhân lực và vật lực cho các hoạt động sản xuất bao bì thân thiện với môi trường, hoàn thành các dự án đang triển khai, nhanh chóng đưa sản phẩm vào thị trường thu lợi nhuận cao nhất.
- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.
 - An Phát phân đầu trở thành doanh nghiệp tiêu biểu về thực hiện trách nhiệm xã hội trong ngành bao bì nói chung và địa bàn tỉnh Hải Dương nói riêng. Đảm bảo các hoạt động sản xuất tuân thủ đúng quy định pháp luật về môi trường, lương và các chế độ phúc lợi khác cho người lao động luôn duy trì ở mức cao.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Stt	CHỈ TIÊU	Kế hoạch năm 2012	Thực hiện năm 2012	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu (đồng)	1.000.000.000.000	1.048.449.925.148	104,84
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN (đồng)	58.000.000.000	51.319.257.660	88,48

(Nguồn: Báo cáo tài chính Công ty mẹ AAA)

1.2 Những thay đổi chính trong năm

- Đã hoàn thành các chỉ tiêu chính trong năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra.
- Thực hiện thành công kế hoạch phát hành 9.900.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn Điều lệ lên 198.000.000.000 đồng.
- Thanh toán nợ gốc và lãi của 54.000.000.000 đồng trái phiếu chuyển đổi theo hợp đồng ký năm 2009 cho các trái chủ.
- Các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty đều được duy trì hoạt động ổn định theo đúng định hướng phát triển.
- Đảm bảo tình hình tài chính của Công ty lành mạnh, có đủ nguồn vốn đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty.
- Khởi động tiến trình cải tiến, tái cấu trúc thay đổi phương thức kinh doanh, phương thức điều hành toàn hệ thống.
- Từng bước mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm trên các thị trường tiềm năng cả về chiều rộng cũng như việc đa dạng hoá sản phẩm tại thị trường.
- Duy trì và thực hiện tốt các chế độ cho người lao động của công ty cũng như đảm bảo hoàn thành các nghĩa vụ thuế đối với ngân sách nhà nước.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

• Ông Nguyễn Lê Trung - Tổng giám đốc – Ủy viên HĐQT

Sinh năm: 1976

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1998 – 2002	Công ty TNHH Máy tính truyền thông CMS	Nhân viên
2002 – 2007	Công ty TNHH Anh Hai Duy	Phó giám đốc kiêm Kế toán trưởng
2007 – 2009	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Kế toán trưởng
2007 – 05/2012	Công ty Cổ phần Đầu tư An Phát	Ủy viên HĐQT
2009 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái	Ủy viên HĐQT
2010 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

- **Ông Phạm Hoàng Việt - Phó TGD Thường trực – Ủy viên HĐQT**

Sinh năm: 1981

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2003 – 2007	Công ty TNHH Anh Hai Duy	Trưởng phòng kinh doanh
2007– 11/2010	Công ty Cổ phần đầu tư An Phát	Giám đốc
2007 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Ủy viên HĐQT
2009 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng Sản An Phát – Yên Bái	Ủy viên HĐQT
12/2012 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD thường trực

- **Ông Trần Hoàng Hoan - Phó tổng giám đốc sản xuất**

Sinh năm: 1976

Trình độ chuyên môn: Tu nghiệp sinh Hàn Quốc

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1996 – 1998	Kinh doanh	
1998 – 2005	Tu nghiệp và làm việc tại Hàn Quốc	
06/2005 – 04/2008	Công ty TNHH Anh Hai Duy	Phó Giám đốc
05/2008 – 11/2009	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Giám đốc nhà máy
11/2009 – 06/2010	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Giám đốc nhà máy sản xuất số 1
07/2010 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Phó Tổng Giám đốc sản xuất kiêm Giám đốc Nhà máy sản xuất số 3

• **Bà Hoà Thị Thu Hà - Kế toán trưởng – Ủy viên HĐQT**

Sinh năm: 1978

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2000 – 2002	Công ty TNHH Khang Vinh	Nhân viên Kế toán
2003 – 2005	Công ty TNHH Hưng Việt	Nhân viên kế toán
2005-3/2007	Công ty TNHH Anh Hai Duy	Nhân viên kế toán
2006 – 2009	Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Trưởng phòng kế toán
2010 đến nay	Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

2.2 Thay đổi Ban điều hành trong năm

Trong năm, Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm ông Phạm Hoàng Việt – Ủy viên HĐQT giữ chức vụ Phó tổng giám đốc thường trực nhằm hỗ trợ công tác của Ban điều hành.

2.3 Nguồn nhân lực

Nội dung	Năm 2012	Năm 2011
Số lượng lao động	1068	1072
Trên đại học	3	3
Đại học	61	66
Cao đẳng	74	75
Trung cấp nghề	64	102
PTTH	866	826
Nam	775	794
Nữ	293	278

Với nhận thức nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng, quyết định thành công của doanh nghiệp, Công ty đã chú trọng khâu tuyển dụng nhằm thu hút đội ngũ lãnh đạo cũng như cán bộ có trình độ và kinh nghiệm. Bộ máy lãnh đạo Công ty gồm

những chuyên gia có trình độ cao, được đào tạo bài bản và đặc biệt là hầu hết đều đã gắn bó với Công ty từ ngày đầu thành lập.

Với tầm nhìn chiến lược và định hướng đúng đắn, Công ty cũng thu hút được nhiều nhân tài có kinh nghiệm chuyên sâu, có thâm niên công tác để đảm nhiệm vị trí lãnh đạo các phòng ban, các nhà máy sản xuất.

Bên cạnh việc thu hút nhân tài, Công ty cũng chú trọng xây dựng mức lương thưởng hợp lý, môi trường làm việc chuyên nghiệp, cạnh tranh lành mạnh để phát triển, khẳng định bản thân, giúp nhân viên toàn tâm toàn ý cho sự phát triển chung của Công ty.

Công ty luôn tuân thủ các quy định của Luật lao động, thực hiện nghiêm túc các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động, đảm bảo môi trường làm việc sạch sẽ, thoáng mát, bố trí nhà ở nội trú cho cán bộ công nhân viên ở xa, hàng năm tổ chức các chương trình văn hoá văn nghệ thể thao, du lịch, văn nghệ...tạo sân chơi giải trí sau giờ làm việc cho cán bộ công nhân viên.

Hàng năm công ty áp dụng chế độ thưởng theo năng suất và hiệu quả công việc với mức thưởng từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng cho các cá nhân và tập thể xuất sắc. Bên cạnh đó công ty thực hiện chế độ thưởng theo tháng, quý và năm để động viên người lao động hăng say làm việc.

Bên cạnh đó các hoạt động đoàn thể được đẩy mạnh theo chủ trương tạo môi trường sinh hoạt chính trị cho mọi công dân, tại Công ty Chi bộ Đảng, Công đoàn, Hội liên hiệp thanh niên... là các tổ chức tích cực trong công tác đoàn hội và góp phần không nhỏ trong việc tạo môi trường làm việc lành mạnh cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1 Tình hình đầu tư vào các công ty con

• Các công ty con

STT	Tên đơn vị	Mối liên hệ	Vốn điều lệ (đồng)	Tỷ lệ góp vốn của AAA	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái	Công ty con	86.000.000.000	91,86%	Đang hoạt động
2	Công ty Cổ phần nhựa Lào	Công ty con	110.000.000.000	99%	Đang trong quá trình thành lập

- **Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái**

- Giấy CN ĐKDN: 5200466372 do Sở Kế hoạch đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp ngày 01/10/2009, đăng ký thay đổi lần 03 ngày 25/04/2011
- Trụ sở: Khu Công nghiệp phía Nam, Xã Văn Tiến, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái
- Ngành nghề kinh doanh: Khai thác đá, mua bán vật liệu xây dựng, kinh doanh thương mại và sản xuất các sản phẩm nhựa
- Vốn điều lệ: 86.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ của AAA: 91,86%
- Hoạt động hiện tại: Nhà máy An Phát – Yên Bái (An Phát Mineral) đã được khởi công xây dựng với dây chuyền công nghệ hiện đại. Hiện nay, An Phát Mineral đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh với sản phẩm bột đá vôi siêu mịn (CaCO_3) đạt tiêu chuẩn quốc tế và hạt nhựa CaCO_3 .
Doanh thu của An Phát – Yên Bái đạt trung bình 50 đến 60 tỷ đồng/năm.
An Phát – Yên Bái định hướng sẽ xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài thay vì chỉ phục vụ sản xuất của An Phát như hiện nay.
An Phát – Yên Bái vừa mở rộng hoạt động của mình với việc khai trương văn phòng đại diện tại TP HCM.

- **Công ty Cổ phần Nhựa Lào**

Công ty Cổ phần nhựa Lào là một dự án xây dựng nhà máy sản xuất bao bì nhựa tại Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào có vốn Điều lệ là 110.000.000.000 đồng, trong đó Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát là đơn vị góp 99% vốn Điều lệ.

Hiện Công ty đang trong quá trình hoàn thiện thủ tục, dự kiến việc xây dựng nhà máy được hoàn tất trong Quý 2 năm 2013.

- **Đầu tư khác**

Đây là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Truyền thông Bình Minh dưới hình thức mua trái phiếu theo hợp đồng đặt mua trái phiếu ngày 26/7/2012 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Truyền thông Bình Minh và Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát về việc mua trái phiếu chuyển đổi tổng mệnh giá 1,5 tỷ VND, đáo hạn năm 2014 với lãi suất 18%/năm. Đến thời điểm 31/12/2012 AAA đã góp đủ 1,5 tỷ VND.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Truyền thông Bình Minh có địa chỉ tại P 302, nhà D, khu nhà Vinaconex 3, phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, T.P Hà Nội. Công ty được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102726217 do sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 21/4/2008.

3.2 Tình hình đầu tư vào dự án có vốn từ phát hành cổ phiếu

Trong năm 2012, Công ty đã thực hiện phát hành 9.900.000 cổ phiếu tăng vốn Điều lệ lên 198.000.000.000 đồng trong đó một phần vốn thu được từ đợt phát hành được sử dụng phần lớn để đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất số 1 cụ thể như sau:

Nội dung	Số lượng	Nguồn vốn từ đợt chào bán (đồng)
Tổng vốn dự kiến huy động được từ đợt phát hành		118.800.000.000
Bổ sung vốn đầu tư mở rộng Nhà máy số 1 – Giai đoạn 1		109.501.500.000
<i>Xây dựng nhà xưởng theo tiêu chuẩn của Nhật</i>		<i>3.000.000.000</i>
<i>Máy thổi HDPE, LDPE khổ lớn sản xuất tại Nhật Bản</i>	<i>15 chiếc</i>	<i>24.412.500.000</i>
<i>Máy cắt HDPE, LDPE và máy gập 4 tốc độ cao sản xuất tại Nhật Bản</i>	<i>30 chiếc</i>	<i>82.089.000.000</i>

(Nguồn: Bản cáo bạch năm 2012 của AAA)

Hiện nay, dự án Nhà máy sản xuất số 1 mở rộng đang trong giai đoạn xây dựng mặt bằng, dự kiến hoàn thiện vào quý 2 năm 2013.

Phần vốn còn lại của đợt phát hành được sử dụng bổ sung vốn lưu động cho sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

ĐVT: triệu VND

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	778.350	866.092	11.27%
Doanh thu thuần	936.314	1.046.688	11.79%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	61.449	48.791	-20.6%
Lợi nhuận khác	1.199	2.529	110.91%
Lợi nhuận trước thuế	62.648	51.319	-18.08%
Lợi nhuận sau thuế	54.286	43.575	-19.73%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	20%	-	

(Nguồn: Báo cáo tài chính Công ty mẹ AAA)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	0.93	1.22	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0.55	0.73	
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.56	0.43	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1.29	0.75	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	7.65	5.99	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1.20	1.21	
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.06	0.04	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.16	0.09	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản			

+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.07	0.05	
	0.07	0.05	

(Nguồn: Báo cáo tài chính Công ty mẹ AAA)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Cổ phần đang lưu hành:

STT	Tiêu chí	Số lượng
1	Tổng số cổ phần đang giao dịch	19.800.000
2	Cổ phần tự do chuyển nhượng	19.800.000
3	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	0

5.2 Cơ cấu cổ đông:

STT	Tiêu chí	Số lượng (Cổ phần)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông lớn	2.624.549	13,26
2	Cổ đông nhỏ	17.175.451	86,74
3	Cổ đông Tổ chức	4.877.749	24,64
4	Cổ đông cá nhân	14.922.251	75,36
5	Cổ đông trong nước	15.617.381	78,88
6	Cổ đông nước ngoài	4.182.619	21,12

(Nguồn: Danh sách cổ đông ngày 10/01/2013 AAA)

• Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn Điều lệ

TT	Cổ đông	Số ĐKSH	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Beira Limited	CS3890	2.624.549	13,26
Tổng			2.624.549	13,26

(Nguồn: Danh sách cổ đông ngày 10/01/2013 AAA)

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 1106/2012/NQ-ĐHĐ ngày 11 tháng 6 năm 2012 của Đại hội đồng cổ đông Trong năm 2012, AAA đã phát hành thành công 9.900.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ lên 198.000.000.000 đồng.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	198.000.000.000	99.000.000.000
Cộng	198.000.000.000	99.000.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	99.000.000.000	99.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	99.000.000.000	-
- Vốn góp cuối năm	198.000.000.000	99.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	10.850.400.000	18.105.175.288

Cổ phiếu

	31/12/2012	01/01/2012
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.800.000	9.900.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.800.000	9.900.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>19.800.000</i>	<i>9.900.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.800.000	9.900.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>19.800.000</i>	<i>9.900.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần

Trái phiếu

Thực hiện theo Quyết định số 0101/2009/QĐ-HĐQT ngày 8 tháng 1 năm 2009 của Hội đồng quản trị về thông qua phương án phát hành và sử dụng nguồn vốn huy động từ phát hành trái phiếu. Ngày 13 tháng 04 năm 2009, Công ty đã thực hiện huy động 54.000.000.000 đồng thông qua việc phát hành 54 trái phiếu chuyên đổi có thể mua lại với mệnh giá trái phiếu là 1.000.000.000 đồng/trái phiếu với kỳ hạn 3 năm và có thể gia hạn thêm 1 năm, lãi suất trái phiếu là 8,5%/năm. Tại thời điểm 31/12/2012 toàn bộ số trái phiếu trên đã được tất toán theo các hợp đồng mua trái phiếu.

III. BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. Đánh giá môi trường hoạt động

- Trong những năm vừa qua, cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu với những diễn biến phức tạp ảnh hưởng tiêu cực tới nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Ngay sau khi cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu xảy ra, hầu hết các dự báo trên thế giới đã thống nhất khi cho rằng mức độ suy thoái của nền kinh tế toàn cầu là nghiêm trọng, sâu sắc và kéo dài. Nhiều dự báo thậm chí đã tỏ ra bi quan khi nhận định phải mất nhiều năm, nền kinh tế thế giới mới có thể ra khỏi suy thoái. Tiếp sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu là cuộc khủng hoảng nợ công tại các nước châu Âu làm cho bộ mặt kinh tế thế giới thêm ảm đạm, dự báo những tác động tiêu cực tới hầu khắp các nước đặc biệt là những nền kinh tế đang phát triển. Những tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng này đã ảnh hưởng rất nhiều tới các doanh nghiệp sản xuất và An Phát cũng không tránh khỏi những tác động nhất định của nó bởi sự biến động về giá nguyên vật liệu, lãi suất tăng cao, sự đòi hỏi khắt khe của khách hàng với sản phẩm....
- Những chính sách mới của thế giới và Việt Nam trong vấn đề hạn chế sử dụng túi nilon do lo ngại ảnh hưởng về môi trường từ những sản phẩm khó phân huỷ. Theo nhận định của các nhà lập pháp và khoa học thì việc sử dụng quá nhiều túi nilon không phân huỷ hiện nay làm gia tăng nghiêm trọng sự bào mòn nguồn tài nguyên thiên nhiên, ảnh hưởng sâu sắc tới môi trường sống do đó đã áp dụng các chính sách hạn chế sử dụng túi nilon thông thường, vì vậy việc tìm sản phẩm thay thế trong tương lai gần là không tránh khỏi. Nắm bắt được xu thế này, An Phát đã nghiên cứu và sản xuất thành công dòng bao bì nhựa tự phân huỷ - sản phẩm thân thiện với môi trường và đáp ứng được những đòi hỏi khắt khe về môi trường của thế giới. Do vậy, chính sách hạn chế sử dụng túi nilon tự phân huỷ không làm ảnh hưởng nhiều tới An Phát.
- Từ 1/1/2012, Luật thuế bảo vệ môi trường có hiệu lực được áp dụng cho tất cả các dòng sản phẩm túi nilon không thân thiện với môi trường và giành ưu đãi đặc biệt đối với sản phẩm túi nilon tự phân huỷ thân thiện với môi trường được cấp chứng nhận Nhãn xanh Việt Nam. Tuy nhiên, việc cấp Nhãn Xanh Việt Nam hiện nay gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc. Tại Việt Nam không có phòng thử nghiệm nào có thể thử nghiệm khả năng phân huỷ túi nilon để chứng minh thời gian phân huỷ. Việc gửi mẫu ra nước ngoài phân tích thì chi phí rất cao và thời gian chờ kết quả có thể

lên đến hai năm, đồng thời với đó là các yêu cầu khắt khe khác từ phía cơ quan cấp chứng nhận. Những quy định này đã một phần hạn chế việc tiêu thụ sản phẩm nội địa của công ty cũng như làm cho việc tăng số lượng hàng giả, hàng nhái của các cơ sở sản xuất tư nhân nhỏ lẻ không thực hiện đúng quy định của pháp luật.

2. Những thuận lợi và khó khăn đối với hoạt động của công ty

1.1 Những thuận lợi

- An Phát là doanh nghiệp sản xuất bao bì hàng đầu tại Việt Nam với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất bao bì màng mỏng, Công ty hiện đã có được một vị trí vững chắc trong hoạt động kinh doanh, thiết lập được mối quan hệ kinh doanh tốt đẹp với nhiều Công ty và tập đoàn nổi tiếng ở Mỹ, EU, Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc, Phillipin, Singapore, Thái Lan, Ai-len, Các tiểu vương quốc Ả Rập, ... Sản phẩm được các doanh nghiệp trong nước và quốc tế đánh giá cao.
- An Phát được đánh giá là doanh nghiệp thân thiện với môi trường với hệ thống nhà xưởng sạch đẹp nhất khu vực phía Bắc, quy trình xử lý nước thải tuần hoàn khép kín, đạt tiêu chuẩn Việt Nam. Điều này giúp doanh nghiệp có lợi thế trong việc tiếp xúc đàm phán với các đối tác khắt khe về tiêu chuẩn vệ sinh môi trường ở các thị trường khó tính như EU, Nhật.
- An Phát là một trong những doanh nghiệp đi đầu trong việc sản xuất thành công bao bì nhựa tự phân hủy – “dòng sản phẩm ưu việt” của thế giới. Loại túi vẫn có tất cả các đặc tính của túi nilon thông thường nhưng thời gian tự hủy được rút ngắn lại thành 3 tháng đến 2 năm (tùy thuộc vào từng chủng loại và cách pha chế).
- Chất lượng hoạt động quản trị doanh nghiệp cao. Đội ngũ cán bộ có trình độ, công nhân lành nghề. Hơn một nửa số cán bộ công nhân viên của Công ty có trình độ từ cao đẳng trở lên, được đào tạo nghiệp vụ thường xuyên. Bên cạnh đó, phần lớn Hội đồng quản trị Công ty đã có bằng Thạc sỹ chuyên ngành Quản trị Doanh nghiệp hoặc có nhiều kinh nghiệm trong kỹ thuật, quản lý doanh nghiệp.
- Công ty nằm giữa tam giác kinh tế Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh. Địa bàn thuận lợi là một trong những điểm mạnh của Công ty so với các đối thủ cạnh tranh khác.
- Công ty nhận được sự ủng hộ của chính quyền và các cơ quan chức năng, đặc biệt là ở 2 tỉnh Hải Dương và Yên Bái, nơi Công ty xây dựng các nhà máy. Hiện nay, Chính quyền ở 2 tỉnh này sẽ tiếp tục hỗ trợ Công ty khi xây dựng các dự án tiếp theo.

- Công ty được hưởng nhiều chính sách ưu đãi của nhà nước và tỉnh, đặc biệt là ưu đãi thuế theo các dự án mở rộng nhà máy sản xuất.
- Hệ thống quản lý chất lượng của Công ty đã được cấp chứng chỉ ISO 9001:2008 và chứng chỉ ISO 140000 và cũng đã áp dụng thành công chương trình nâng cao kỹ năng quản lý do tập đoàn IMPAC Hoa Kỳ tư vấn thực hiện.

1.2 Những khó khăn

- Nguyên liệu và phụ gia dùng trong sản xuất các sản phẩm nhựa ở Việt Nam hầu hết phải nhập khẩu từ nước ngoài, chiếm từ 80-85%/năm, nguyên liệu trong nước chỉ đáp ứng được 15-20% /năm. Do không chủ động được nguồn nguyên liệu và phụ gia nên toàn ngành nhựa đã nhiều lúc phải gồng mình gánh chịu các đợt tăng giá nguyên liệu khiến cho các doanh nghiệp chỉ sản xuất cầm chừng, thậm chí phải chấp nhận lỗ vốn vì không dám tăng giá bán sản phẩm.
- Các doanh nghiệp nhựa trong nước hiện nay phải đối mặt với không ít khó khăn và thách thức như: xuất khẩu phụ thuộc vào các khâu trung gian, không có chính sách hỗ trợ cho các nhà xuất nhập khẩu, đầu tư sản xuất, công nghệ và phụ gia mới. Doanh nghiệp cùng sản xuất một loại sản phẩm khiến sự cạnh tranh ngay trên thị trường nội địa rất cao, làm giảm hiệu quả hoạt động
- Hiện nay Việt Nam chưa có một trường đào tạo về ngành nhựa nên việc thiếu lao động chuyên sâu về lĩnh vực diễn ra khá gay gắt, điều này cũng làm cho các doanh nghiệp cạnh tranh không lành mạnh đối với những lao động có chuyên môn.
- Ngoài ra, các doanh nghiệp Việt Nam còn phải đối mặt với các rào cản từ chính sách nhập khẩu, thuế chống bán phá giá của các bạn hàng lớn chủ yếu là Mỹ và các nước châu Âu.

3. Kết quả hoạt động

3.1 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012 cụ thể như sau:

- Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch

Stt	CHỈ TIÊU	Kế hoạch năm 2012	Thực hiện năm 2012	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu (đồng)	1.000.000.000.000	1.048.449.925.148	104,84
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN (đồng)	58.000.000.000	51.319.257.660	88,48

(Nguồn: Báo cáo tài chính công ty mẹ AAA)

- Tổng doanh thu cả năm đạt 1.048.449.925.148 đồng đạt 104,84% so với kế hoạch, tăng 11,90% so với năm 2011. Trong đó doanh thu tập trung chủ yếu ở lĩnh vực sản xuất và kinh doanh bao bì nhựa với 88% tỷ lệ doanh thu, 12% tỷ lệ doanh thu còn lại ở lĩnh vực kinh doanh hạt nhựa.

Về lợi nhuận đạt 51.319.257.660 đồng đạt 88,48% so với kế hoạch giảm 19,73% so với năm 2011. Nguyên nhân của việc không đạt kế hoạch lợi nhuận là do ảnh hưởng từ khó khăn chung của nền kinh tế thế giới làm cho các khách hàng lớn và lâu năm của An Phát gặp khó khăn trong vấn đề thanh toán và đã có yêu cầu Công ty hỗ trợ bằng chính sách giảm giá hàng bán. Nhằm tháo gỡ các khó khăn chung cho cả công ty và khách hàng cũng như kích cầu đặt đơn hàng dài kỳ cho các nhà máy ổn định sản xuất, Công ty đã thực hiện các chính sách về ưu đãi giảm giá cho các khách hàng lớn – đó là nguyên nhân chính dẫn tới tỷ lệ lợi nhuận năm 2012 không đạt được kế hoạch. Tuy vậy, việc giảm giá bán chỉ là chính sách tạm thời và nó cũng đã mang lại hiệu quả tích cực cho công ty, tạo được niềm tin với khách hàng qua đó tăng doanh thu và lượng đặt hàng nhằm ổn định sản xuất trong tình hình kinh tế còn nhiều khó khăn như hiện nay. Giữa tình hình kinh tế khó khăn như hiện nay, lợi nhuận đạt 88,48% kế hoạch của Công ty là một cố gắng không nhỏ của Ban điều hành.

- Về thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị.
- Trong năm qua Ban điều hành đã rất cố gắng trong việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Ban điều hành đã tích cực trong việc chỉ đạo các phòng chức năng hoàn thành kế hoạch phát hành 9,9 triệu cổ phiếu thu vốn bổ sung cho dự án mở rộng nhà máy 1, hoàn thành các báo cáo tài chính, chỉ đạo các Nhà máy sản xuất và giao hàng đúng thời hạn cho khách hàng.
- Trong năm, Ban điều hành cũng thực hiện thành công các kế hoạch về thoái vốn và đầu tư theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Thực hiện thành công chương trình kỷ niệm 10 năm thành lập Công ty, các chương trình từ thiện, xã hội khác..

3.2 Tình hình tài chính

- **Tình hình tài sản**

Năm 2012 Công ty đã đầu tư 13 tỷ đồng mua sắm máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, nhà xưởng... phục vụ cho hoạt động SXKD.

Cơ cấu tài sản của công ty qua 3 năm như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012	
	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Tài sản ngắn hạn	251.749	39,28	293.530	37,71	432.666	49,96
Tài sản dài hạn	389.223	60,72	484.820	62,29	433.425	50,04
Tổng	640.973	100	778.350	100	866.092	100

Tổng tài sản của công ty đã tăng lên liên tục trong 3 năm qua do hoạt động sản xuất kinh doanh ngày được mở rộng liên tục. Cùng với đó là cơ cấu tài sản cũng có sự thay đổi, theo đó tài sản ngắn hạn đang dần chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản.

Trong năm 2012 công ty không có nợ xấu ko thu hồi được.

- Tình hình nợ phải trả

- Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn:

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Tài sản ngắn hạn (triệu đồng)	251.749	293.530	432.666
Nợ ngắn hạn (triệu đồng)	209.886	316.588	354.165
Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn	1,20	0,93	1,22

Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn không có sự biến động lớn qua các năm, hiện tại năm 2012 hệ số nợ ngắn hạn giữ ở mức 1,22 là ở mức an toàn của doanh nghiệp.

- Hệ số thanh toán nhanh:

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Hệ số thanh toán nhanh	0,82	0,55	0,73

Hệ số thanh toán nhanh của công ty cũng ko có sự biến động lớn qua các năm và cũng giữ ở mức an toàn.

- Hệ số thanh toán dài hạn:

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Tài sản dài hạn (triệu đồng)	389.223	484.820	433.425

Nợ dài hạn (triệu đồng)	108.247	122.292	16.611
Hệ số thanh toán nợ dài hạn	3,60	3,96	26,09

Khả năng thanh toán nợ dài hạn tốt, năm 2012, hệ số thanh toán nợ dài hạn rất cao (26,09), nguyên nhân là do công ty đã thanh toán toàn bộ gốc và lãi trái phiếu cho các trái chủ và đã trả được phần lớn số nợ vay dài hạn ngân hàng.

3.3 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

• Công tác tổ chức, quản lý

- Trong năm Ban Tổng giám đốc đã thực hiện rà soát lại nội lực, đẩy mạnh công tác tái cấu trúc, xem xét năng lực cán bộ công nhân viên để có phương án thay đổi nhân sự theo hướng ngày càng tinh gọn.
- Trong năm, Ban Tổng giám đốc đã phối hợp cùng với Ban điều hành Công ty con thành lập chi nhánh tại Sàn Gòn của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái để đẩy mạnh việc tiêu thụ sản phẩm.
- Ban Tổng giám đốc đã xem xét các chỉ tiêu khoán tại nhà máy nhằm tăng hiệu quả hoạt động cũng như tạo ra những khuyến khích cho các nhà máy của công ty.
- Do ảnh hưởng từ suy thoái kinh tế tại Châu Âu, nhằm tạo thuận lợi cho khách hàng cũng như tăng sự gắn bó với các khách hàng truyền thống, trong năm 2012, Ban Tổng giám đốc đã xin ý kiến HĐQT cho phép giảm giá hàng bán, thực hiện khuyến mại cho khách hàng để tăng lượng hàng đặt, đảm bảo cơ cấu hàng ổn định cho các nhà máy đặc biệt là nhà máy sản xuất số 2 mở rộng.

• Công tác quản trị tài chính

- Ban Tổng giám đốc rất cố gắng trong việc minh bạch hóa các hoạt động tài chính của công ty, đồng thời tích cực tìm kiếm nguồn đầu tư nhằm sử dụng nguồn vốn của các cổ đông và nhà đầu tư có hiệu quả. Ban Tổng giám đốc và bộ phận kế toán - tài chính luôn nhận được sự chỉ đạo, điều hành của Hội đồng quản trị và sự giám sát chặt chẽ của Ban kiểm soát. Hoạt động tài chính công ty được cụ thể trong Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán.

• Công tác quan hệ công chúng

- Trong năm qua, Ban tổng giám đốc đã chỉ đạo bộ phận chịu trách nhiệm công bố Báo cáo tài chính Quý, Báo cáo quản trị, các thông tin khác theo đúng quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Các thông tin về hoạt động của công ty liên tục được cập nhật tại website www.anphatplastic.com để các cổ đông và nhà đầu tư quan tâm tiện theo dõi.

- **Công tác xã hội, hoạt động cộng đồng**

- Thực hiện đúng các định hướng phát triển sản xuất kinh doanh và hoàn thành các mục tiêu về hoạt động cộng đồng, Ban tổng giám đốc đã xin ý kiến của Hội đồng quản trị để chỉ đạo các phòng chức năng thực hiện tổ chức thành công Đại hội công đoàn công ty nhiệm kỳ II, hưởng ứng chương trình An toàn giao thông, tham gia nhiều hoạt động xã hội khác như tặng quà cho gia đình thanh niên xung phong có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách. Đặc biệt, Công ty tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 10 năm thành lập với nhiều hoạt động có ý nghĩa để cán bộ công nhân viên công ty tham gia....

4 Kế hoạch phát triển trong tương lai

❖ Định hướng phát triển của Công ty

*“Trở thành nhà sản xuất bao bì thân thiện với môi trường lớn nhất Đông Nam Á
Doanh nghiệp điển hình về thực hiện Trách nhiệm xã hội”*

▪ Đẩy mạnh sản xuất

- Trong các năm tới, xác định rằng sản phẩm tự hủy sẽ được các nước trên thế giới, đặc biệt là các thị trường lớn như Nhật Bản, EU... ưa chuộng, Công ty sẽ chú trọng để phát triển mặt hàng này. Trong dài hạn, sản phẩm túi tự hủy sẽ là sản phẩm chính của Công ty.
- Bên cạnh đó, Ban Tổng giám đốc Công ty cũng không ngừng đầu tư cải tiến máy móc thiết bị nhằm nâng cao năng suất lao động. Các cán bộ kỹ thuật của Công ty được gửi đi đào tạo nâng cao tay nghề.
- Công ty thực hiện đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất số 1 tại Khu CN Nam Sách, T.P Hải Dương, tỉnh Hải Dương từ Quý 4 năm 2012 dự kiến hoàn thành vào Quý 2 năm 2013. Khu vực mở rộng của nhà máy sẽ sản xuất mặt hàng cao cấp chuyên xuất khẩu sang Nhật Bản và một số nước tiên tiến có nhu cầu.
- Với năng lực hiện có Công ty sẽ tiếp tục tận dụng các nguồn lực để đẩy mạnh sản xuất sản phẩm, trong đó sẽ chú trọng đến sản lượng túi nilon tự phân hủy – định hướng chiến lược của Công ty trong thời kỳ mới

- **Đẩy mạnh xuất khẩu**

- Hội đồng quản trị công ty xác định, thị trường chủ lực của Công ty là xuất khẩu với đích đến là các nước EU, Mỹ và một số nước phát triển tại Châu Á, do lợi thế về việc thanh toán tốt và đơn hàng dài kỳ. Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực sẽ là các dòng bao bì nhựa tự phân hủy theo dạng cuộn, Tshirt, túi siêu thị và túi rác.

- **Thực hiện tốt trách nhiệm xã hội**

- Thực hiện trách nhiệm xã hội là việc doanh nghiệp thể hiện trách nhiệm, đạo đức kinh doanh, cách hành xử đối với người lao động, đối với môi trường cộng đồng và xã hội, nhằm mang lại lợi ích cho doanh nghiệp, người lao động và sự phát triển bền vững. Ý thức được điều đó, trong quá trình hoạt động của mình, Ban lãnh đạo An Phát đã thực hiện nhiều chính sách có ý nghĩa lớn với người lao động tại Công ty. Tiêu biểu như các chính sách về: đảm bảo mức lương, thưởng hàng năm luôn ở vị trí cao của tỉnh Hải Dương và các doanh nghiệp cùng ngành; áp dụng chính sách về nhà ở, hỗ trợ đi lại cho người lao động ở tỉnh xa, thực hiện nhiều chương trình ủng hộ mang ý nghĩa xã hội như: ủng hộ đồng bào nghèo, thành lập Quỹ từ thiện, Quỹ khuyến học, thực hiện chương trình: Năng xuân về bản, Thắp sáng ước mơ...

5 Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty và Ban Tổng giám đốc

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012 với các chỉ tiêu về Doanh thu và Lợi nhuận cao. Đây là sự cố gắng vượt bậc của tập thể Ban tổng giám đốc và cán bộ công nhân viên trong tình hình kinh tế thế giới chịu nhiều ảnh hưởng từ khủng hoảng kinh tế, từ chính sách thắt chặt tín dụng...
- Hội đồng quản trị đánh giá cao công tác điều hành của Ban tổng giám đốc, Hội đồng quản trị hết sức tin tưởng vào năng lực lãnh đạo và phẩm chất đạo đức của các thành viên Ban Tổng giám đốc, cụ thể Ban Tổng giám đốc đã:

- + Xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện những chiến lược mà HĐQT đã đề ra một cách nhanh chóng, đúng hướng và hiệu quả
- + Linh hoạt trong quá trình điều hành, đảm bảo kết quả thực hiện đúng mục tiêu đề ra. Trong đó điều quan trọng nhất là Ban Tổng giám đốc đã xây dựng được đội ngũ cán bộ quản lý cấp trung và đội ngũ nhân sự giỏi nghề, đáp ứng được yêu cầu công việc.
- + Báo cáo trung thực mọi hoạt động của Ban điều hành và hoạt động của công ty cho hội đồng quản trị và bất kỳ khi nào cần thiết
- + Công khai, minh bạch công bố thông tin kịp thời, chính xác.
- + Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban tổng giám đốc trong kế hoạch phát hành thành công cổ phiếu tăng vốn Điều lệ của công ty, huy động hơn 122 tỷ đồng bổ sung vốn cho dự án mở rộng Nhà máy sản xuất số 1 và vốn lưu động của công ty.

2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị định hướng cần giữ vững vị trí số 1 trong ngành sản xuất bao bì màng mỏng ở Việt Nam, vươn lên trở thành nhà sản xuất bao bì thân thiện với môi trường lớn nhất Đông Nam Á.
- Thực hiện đầu tư thành công dự án xây dựng nhà máy sản xuất bao bì tại Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào.
- Phát triển mở rộng thị trường tiêu thụ cả trong và ngoài nước, trong đó chú trọng lĩnh vực xuất khẩu đặc biệt vào các thị trường tiêu thụ lớn ở Châu Âu, Nhật Bản, Singapo, Thái Lan...bằng các kế hoạch Marketing thu hút trọng điểm, tăng cường hệ thống kênh phân phối, phát triển đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, năng động.
- Tiếp tục định hướng trên cơ sở tăng cường quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn tài chính, đặc biệt chú ý xem xét các đề xuất của các phòng ban, nhà máy, chú trọng đầu tư phát triển bền vững lưu ý các đề án, công tác bảo vệ môi trường của các nhà máy, các dự án.
- Xây dựng chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh cho năm 2013 phù hợp với diễn biến thực tế của Công ty của nền kinh tế và tập trung nỗ lực thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra.

Một số chỉ tiêu cơ bản trong hoạt động năm 2013 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2013
1	Sản lượng sản xuất (tấn/năm)	33.000
2	Tổng doanh thu (đồng)	1.100.000.000.000
3	Lợi nhuận trước thuế (đồng)	55.000.000.000
4	Dự kiến mức cổ tức chi trả cho cổ đông	10% -15%/ cổ phần

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

- **Ông Phạm Ánh Dương – Chủ tịch HĐQT**

Sinh năm: 1976

Trình độ: Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1998 – 2000	Công ty TNHH Máy tính truyền thông CMC	Nhân viên kế toán
2000 – 2002	Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Hằng Thảo	Kế toán trưởng
2002 – 2007	Công tác tại công ty TNHH Anh Hai Duy	Giám đốc công ty
2007 – 2009	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Chủ tịch HĐQT
2007 – 05/2012	Công ty Cổ phần Đầu tư An Phát	Chủ tịch HĐQT
2009 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái	Chủ tịch HĐQT
2010 – 06/2011	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
07/2011 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Chủ tịch HĐQT

- **Ông Nguyễn Lê Trung – Ủy viên HĐQT – Tổng Giám đốc**

Sinh năm: 1976

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1998 – 2002	Công ty TNHH Máy tính truyền thông CMS	Nhân viên
2002 – 2007	Công ty TNHH Anh Hai Duy	Phó giám đốc kiêm Kế toán trưởng
2007 – 2009	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Kế toán trưởng
2007 05/2012	Công ty Cổ phần Đầu tư An Phát	Ủy viên HĐQT
2009 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái	Ủy viên HĐQT
2010 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

- **Ông Phạm Hoàng Việt – Ủy viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc Thường trực**

Sinh năm: 1981

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2003 – 2007	Công ty TNHH Anh Hai Duy	Trưởng phòng kinh doanh
2007– 11/2010	Công ty Cổ phần đầu tư An Phát	Giám đốc
2007 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Ủy viên HĐQT
2009 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng Sản An Phát – Yên Bái	Ủy viên HĐQT
12/2012 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD thường trực

- **Bà Hoà Thị Thu Hà - Ủy viên HĐQT - Kế toán trưởng**

Sinh năm: 1978

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2000 – 2002	Công ty TNHH Khang Vinh	Nhân viên Kế toán
2003 – 2005	Công ty TNHH Hưng Việt	Nhân viên kế toán

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2005-3/2007	Công ty TNHH Anh Hai Duy	Nhân viên kế toán
2006 – 2009	Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Trưởng phòng kế toán
2010 đến nay	Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

• **Ông Phạm Đình Ngu – Ủy viên HĐQT**

Sinh năm 1959

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1977 – 1980	Đơn vị X49 – Bộ tư lệnh Công Binh	Nhập ngũ
1980 – 1989	Phân xưởng Cơ điện – X49	Nhân viên
1990 – 1991	Phân xưởng Cơ điện – X49	Bí thư đoàn Nhà máy
1992 – 1994	Đội khai thác than Vàng Danh	Đội phó
1994 – 2005	Xưởng Cơ khí – Bí thư chi Bộ nhà máy	Phó Quản đốc
2006 – 2012	Xưởng cơ khí – Thủy lực – Nhà máy Z49 – Bộ tư lệnh Công binh	Quản đốc
2012 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Ủy viên HĐQT

2. Các tiêu ban của Hội đồng quản trị: Không có

3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

3.1 Vai trò của HĐQT

- Hội đồng quản trị đã tập trung làm việc theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tập thể, cá nhân thành viên và tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Pháp luật hiện hành.
- Thực hiện kiểm tra đánh giá kết quả hoạt động xây dựng chiến lược và định hướng kinh doanh từng năm, giữ ổn định sự phát triển của doanh nghiệp trong tình hình kinh tế biến động.

- Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty. Các biên bản, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đều dựa trên sự nhất trí cao của các thành viên và lưu trữ theo đúng quy định.
- Hiện Ban Tổng giám đốc có 2/3 thành viên là thành viên Hội đồng quản trị do đó việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông rất đồng bộ, nhanh gọn và có hiệu quả. Đây là một trong những ưu điểm giúp hoạt động quản trị của Công ty linh hoạt, nhất quán và triệt để hơn. Ngoài ra các thành viên độc lập không điều hành đã có nhiều ý kiến khách quan, hiệu quả trong các quyết định của Công ty.

3.2 Hoạt động của HĐQT

- Trong năm 2012, HĐQT đã tập trung chỉ đạo, hỗ trợ và giám sát kịp thời các hoạt động của Ban Tổng giám đốc thông qua việc ban hành các Nghị quyết, quyết định có liên quan đến các lĩnh vực hoạt động sản xuất, kinh doanh, phê duyệt các quy chế về tái cấu trúc tổ chức nhân sự, lương thưởng, các dự án đầu tư...
- Trong năm, Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết sau để phục vụ công tác điều hành:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	0201/2012/NQ- HĐQT	28/2/2012	Về việc Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông năm 2012 dự kiến trong tháng 4 năm 2012
2	0205/2012/NQ- HĐQT	14/5/2012	Thoái vốn khỏi Công ty Cổ phần Mỹ San – Tây Bắc
3	0806/2012/NQ- HĐQT	8/6/2012	Thanh toán trái phiếu chuyển đổi cho Beira Limited
4	1206/2012/NQ- HĐQT	12/6/2012	Bổ nhiệm chức danh các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2012-2016
5	2106/2012/NQ- HĐQT	21/6/2012	Triển khai phương án phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 99 tỷ đồng lên 198 tỷ đồng
6	1707/2012/NQ-HĐQT	17/7/2012	Thông qua việc điều chỉnh mục đích sử dụng vốn của đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ năm 2012

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
7	1807/2012/NQ-HDQT	18/7/2012	Thông qua báo cáo kinh tế - kỹ thuật mở rộng nhà máy 1 và Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu
8	2607/2012/NQ-HDQT	26/7/2012	Chi trả cổ tức năm 2011
9	1508/2012/NQ-HDQT	15/8/2012	Chốt danh sách cổ đông thực hiện phát hành cổ phiếu
10	2108/2012/NQ-HHQT	21/8/2012	Thay đổi ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện phát hành cổ phiếu
11	1106/2012/NQ-HDQT	6/11/2012	Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất
12	1108/2012/NQ-HDQT	8/11/2012	Xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu từ chối mua của đợt phát hành tăng vốn Điều lệ năm 2012
13	1712/2012/NQ-HQQT	17/12/2012	Bổ nhiệm cán bộ quản lý
14	1812/2012/NQ-HDQT	18/12/2012	Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông năm 2013
15	1220/2012/NQ-HDQT	25/12/2012	Thành lập Công ty con và Đầu tư dự án tại CHDCDN Lào

VI. BAN KIỂM SOÁT

1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

- Ông Lê Thái Hưng – Trưởng Ban kiểm soát

Sinh năm: 1976

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
09/1998 – 12/2000	Xí nghiệp xây dựng 23/3 (Công ty Hợp	Kế toán Tổng hợp

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
	tác kinh tế Bộ Quốc Phòng)	
01/2001 – 10/2009	Tổng công ty XDCTGT4	Thành viên Ban kiểm soát
01/2001 – 10/2009	Công ty cổ phần chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	Trưởng Ban kiểm soát
10/2010 đến nay	Công ty cổ phần chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	Quyền phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc tài chính
10/2010 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Trưởng Ban kiểm soát

- **Bà Vũ Thị Thuý Nguyên – Thành viên Ban kiểm soát**

Sinh năm: 1965

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
11/1983 – 06/1987	Xí nghiệp xây lắp mỏ Làng Cẩm	Kế toán
07/1987 – 05/1995	Xí nghiệp xây lắp than Đông Anh	Kế toán
06/1995 – 03/2004	Bảo hiểm Y tế ngành than	Kế toán viên
04/2004 đến nay	Bảo hiểm xã hội Hoàng Mai - Hà Nội	Kế toán viên
2008 đến nay	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Ủy viên Ban kiểm soát

- **Bà Văn Thị Lan Anh – Thành viên Ban kiểm soát**

Sinh năm 1977

Trình độ chuyên môn: Trung cấp điện

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2002 – 09/2004	Công ty Xây lắp điện 4	Công nhân
10/2004 – 03/2007	Công ty TNHH Anh Hai Duy	Nhân viên văn phòng
03/2007 – 04/2009	Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Nhân viên văn phòng
04/2009 đến nay	Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường	Nhân viên hành chính

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
	xanh An Phát	kiêm Ủy viên Ban Kiểm soát

2. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Vai trò của Ban kiểm soát
 - Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý và điều hành. Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty
 - Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2012.
 - Xem xét các báo cáo và thông báo của Hội đồng quản trị đến cổ đông
 - Xem xét các báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của các số liệu và nội dung trên báo cáo.
- Kết quả thực hiện kiểm tra giám sát
 - Đến hết năm 2012, Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của Công ty. Các quy trình hoạt động tuân thủ các yêu cầu của hệ thống kiểm soát và quản trị nội bộ. Chế độ hợp giao ban giữa Ban tổng giám đốc và các phòng chức năng được thực hiện tốt đã giúp phát hiện kịp thời các vấn đề khó khăn và có giải pháp kịp thời.
 - Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán của công ty phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2012 cũng như kết quả kinh doanh trong năm, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt nam
 - Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu kế hoạch như sau:

Stt	CHỈ TIÊU	Kế hoạch năm 2012	Thực hiện năm 2012	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu (đồng)	1.000.000.000.000	1.048.449.925.148	104,84
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN (đồng)	58.000.000.000	51.319.257.660	88,48

(Nguồn: Báo cáo tài chính công ty mẹ AAA)

- Một số kết quả thực hiện kế hoạch năm 2012 như sau:
 - + Công ty đã phát hành thành công 9.900.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn Điều lệ lên 198.000.000.0000 đồng
 - + Đã hoàn thành việc trích lập các quỹ theo điều lệ công ty
 - + Đã hoàn thành việc chi trả cổ tức năm 2011 cho cổ đông
 - + Thực hiện khởi công xây dựng nhà máy sản xuất số 1 mở rộng
- Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
 - + Đã chỉ đạo các bộ phận thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012
 - + Đã quản lý và điều hành công ty hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2012
 - + Đã thực hiện xong việc thoái vốn của công ty khỏi Công ty cổ phần Mỹ Sơn – Tây Bắc
 - + Đã thực hiện hoàn tất việc thanh toán lãi và nợ gốc trái phiếu chuyển đổi cho các trái chủ theo quy định của Hợp đồng đặt mua trái phiếu năm 2009
- Sự phối hợp giữa Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Cổ đông
 - + Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin về Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
 - + Trong năm Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc mời tham dự các cuộc họp liên quan đến các vấn đề trong hoạt động của Công ty, đặc biệt là kế hoạch phát hành cổ phiếu năm 2012
 - + Ban kiểm soát đã trình bày các ý kiến, quan điểm của mình và đã được Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc ghi nhận và xem xét
 - + Ban kiểm soát chưa nhận được phản ánh cụ thể nào bằng văn bản của Cổ đông.

- Những kiến nghị

Từ những kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012, Ban kiểm soát có những kiến nghị sau:

- Việc mở rộng các nhà máy, đầu tư các dự án, đặc biệt là dự án tại Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào trong thời gian tới cần tăng cường công tác kiểm soát nội bộ để tránh những sai sót trong quá trình thực hiện đầu tư, đồng thời tích cực tuyển dụng nhân sự có trình độ chuyên môn cao để đáp ứng nhu cầu.

- Tăng cường công tác Marketing để phát triển hệ thống khách hàng tại các thị trường truyền thống và các thị trường tiềm năng khác. Đặc biệt phải tăng lượng đặt hàng để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ sản phẩm khi nhà máy sản xuất số 1 mở rộng và nhà máy tại Lào đi vào hoạt động trong năm 2013

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Hội đồng quản trị			660.000.000	660.000.000
Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch HĐQT	Thù lao HĐQT	180.000.000	180.000.000
Ông Nguyễn Lê Trung	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Đức Dũng	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	60.000.000	120.000.000
Ông Phạm Đình Ngu	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	60.000.000	-
Ông Phạm Hoàng Việt	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	120.000.000	120.000.000
Bà Hòa Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ban kiểm soát			264.000.000	264.000.000
Ông Lê Thái Hưng	Trưởng BKS	Thù lao BKS	120.000.000	120.000.000
Bà Vũ Thị Thúy Nguyên	Thành viên BKS	Thù lao BKS	72.000.000	72.000.000
Bà Văn Thị Lan Anh	Thành viên BKS	Thù lao BKS	72.000.000	72.000.000
Ban Tổng Giám đốc			1.014.000.000	859.220.000
Ông Nguyễn Lê Trung	Tổng Giám đốc	Tiền lương	552.000.000	442.690.000
Ông Phạm Hoàng Việt	Phó Tổng Giám đốc	Tiền lương	-	-
Ông Trần Hoàng Hoan	Phó Tổng Giám đốc	Tiền lương	462.000.000	416.530.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không phát sinh

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng	94.068.735.964	25.688.188.805
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	94.068.735.964	25.688.188.805
Doanh thu bán tài sản cố định	-	63.636.364
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	-	63.636.364
Mua hàng hóa, dịch vụ	57.662.300.029	51.903.781.185
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	57.662.300.029	51.903.781.185

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu	38.268.137.000	17.791.689.250
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát	38.268.137.000	17.791.689.250
- Yên Bái		
Trả trước cho người bán	-	2.173.030.875
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát	-	2.173.030.875
- Yên Bái		

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Trong năm Hội đồng quản trị đã thực hiện rất nghiêm túc các quy định về quản trị công ty theo quy định, đồng thời đã chỉ ra được rất nhiều hướng khắc phục rủi ro trong hoạt động. Cụ thể:

Rủi ro	Ảnh hưởng	Quản trị
Rủi ro về kinh tế	Những thay đổi về chính sách và tình hình biến động của nền kinh tế Việt Nam sẽ ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hoạt động sản xuất và gây tác động đến kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp. Trong điều kiện khó huy động vốn từ thị trường và khách hàng thì việc nâng tỷ trọng sử dụng vốn vay ngân hàng sẽ chịu ảnh hưởng bởi sự biến động của lãi suất, gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.	Sản phẩm của An Phát chủ yếu được xuất khẩu đi Châu Âu như Đức, Pháp, Tây Ban Nha, Anh, Thụy Điển nên cuộc khủng hoảng nợ công đang diễn ra tại Châu Âu hiện nay cũng ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của An Phát. Theo Hiệp hội Nhựa Việt Nam, tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2011 đạt 1 tỷ 347 triệu USD, tăng đến 28,4% so với năm 2010. Đặc biệt, các sản phẩm của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Châu Âu không bị áp thuế chống bán phá giá từ 8-30% giống các nước khác như Trung Quốc, nên thị phần xuất khẩu và nhập khẩu vào các thị trường Châu Âu của các doanh nghiệp Việt Nam khá thuận lợi. Do vậy, nhìn chung ngành bao bì xuất

		khẩu là ngành giữ được mức ổn định tương đối lớn trong thời kỳ kinh tế suy thoái do nhu cầu không suy giảm lớn và lợi thế xuất khẩu.
Rủi ro về luật pháp	Là một Công ty cổ phần đại chúng và đang niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hà Nội, hoạt động của AAA chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật chung như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật mới quy định trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, Công ty luôn luôn cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp liên quan đến hoạt động của công ty, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp
Rủi ro đặc thù ngành	<ul style="list-style-type: none"> ❖ Lĩnh vực sản xuất bao bì nói chung và bao bì thân thiện với môi trường nói riêng phát triển mạnh mẽ trong sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp. Để thành lập một doanh nghiệp trong ngành này, nhà đầu tư cần chi phí cho mặt bằng nhà xưởng, dây chuyền máy móc thiết bị, nhân công và các yếu tố đầu vào cơ bản khác như điện, nước ... Với chính sách ưu đãi thuế cho các dự án sản xuất tại các khu công nghiệp, việc thành lập một công ty sản xuất bao bì nhựa hiện nay không mấy khó khăn và có thể vận hành một nhà máy chỉ sau khoảng 3 tháng kể từ ngày khởi công xây dựng. Nhìn chung, rào cản ra nhập ngành tương đối thấp và số lượng các công ty mới xâm nhập vào ngành với sự chuẩn bị kỹ lưỡng không ngừng gia tăng ❖ Hiện nay, trên thị trường hiện tượng hàng giả, hàng nhái kém chất lượng đã và đang xuất hiện tràn lan. Những loại 	<ul style="list-style-type: none"> ❖ Với ưu điểm sản phẩm chất lượng cao và uy tín, Công ty định hướng xuất khẩu toàn bộ sản phẩm cho các nhà phân phối nước ngoài, không phân phối nhỏ, lẻ. Chính nhờ định hướng này, rủi ro hàng giả, hàng nhái kém chất lượng trong nước ít ảnh hưởng đến hình ảnh và uy tín thương hiệu của Công ty. Ngoài ra, sản phẩm bao bì thân thiện với môi trường của Công ty đặc biệt phù hợp với thị hiếu các nước phát triển nên có tiềm năng phát triển trong tương lai.

	<p>sản phẩm nhái nhãn hiệu này gây thiệt hại không nhỏ về uy tín thương hiệu của những doanh nghiệp trong cùng ngành nghề trong khi luật pháp Việt Nam chưa có những chế tài hay nếu có chỉ là xử phạt hành chính với mức phạt không đủ để răn đe những hành vi vi phạm lĩnh vực bảo vệ thương hiệu, bản quyền.</p>	
Rủi ro lãi suất	<p>Năm 2011 và 2012 là năm khó khăn với rất nhiều doanh nghiệp do chính sách tiền tệ thắt chặt của Chính phủ. Tốc độ tăng trưởng tín dụng bị hạn chế khiến các doanh nghiệp phải hoạt động cầm chừng và vay vốn ngân hàng với lãi suất cao. Theo Báo cáo hoạt động ngân hàng tháng 1/2012 thì lãi suất huy động và cho vay đầu năm 2012 đã có xu hướng giảm nhẹ so với 2011. Lãi suất cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu ở mức 14,5 -17%, thấp nhất là 15%/năm, lãi suất cho vay sản xuất – kinh doanh khác khoảng 17-20%; lãi suất cho vay lĩnh vực phi sản xuất 22-26%/năm.</p>	<p>Công ty thực hiện các khoản vay ngân hàng chủ yếu bằng ngoại tệ nên lãi vay không biến động lớn như đồng Việt Nam (lãi vay tiền đô-la Mỹ chỉ tăng khoảng 2-3%, trong khi tiền đồng Việt Nam tăng thêm 8-10%). Đây là một thuận lợi cho công ty trong giai đoạn hiện tại.</p>
Rủi ro về Môi trường	<p>❖ Như bất kỳ doanh nghiệp sản xuất nào khác, hoạt động của An Phát luôn có những tác động tích cực và tiêu cực tới vấn đề môi trường và ngược lại môi trường cũng góp phần tạo nên những thuận lợi hay khó khăn cho Công ty trong việc sản xuất. Nhìn chung, khó có thể có một doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh hoàn toàn không ảnh hưởng đến môi trường. Đối với các doanh nghiệp sản xuất nói chung và doanh nghiệp sản xuất nhựa nói riêng</p>	<p>❖ Ý thức được trách nhiệm bảo vệ môi trường, An Phát đã ứng dụng các công nghệ hiện đại của thế giới vào hoạt động sản xuất, tìm cách hạn chế tối đa các chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất. Công ty sử dụng nguồn nguyên liệu tái chế đảm bảo ít chất thải, dây chuyền sản xuất không có nước thải, các sản phẩm hỏng, lỗi, các bán</p>

	<p>như An Phát việc bảo vệ môi trường là điều cần thiết với những yêu cầu khắt khe về xử lý nước thải, xử lý chất thải rắn, chất thải công nghiệp. Việc xử lý các chất thải đòi hỏi một nguồn kinh phí khá lớn, với nhiều doanh nghiệp đặc thù thì có thể lên tới hàng tỷ đồng và chiếm tỷ trọng cao trong chi phí sản xuất. Đặc biệt hiện nay, Việt Nam và thế giới rất quan tâm tới những tác động tiêu cực của sản xuất túi nilon không phân hủy đối với môi trường.</p>	<p>thành phẩm thừa được tái chế để làm nguyên liệu tái sản xuất. Qua trình tái chế đó sử dụng nguồn nước tuần hoàn khép kín. Cùng với đó là các hợp đồng xử lý chất thải sinh hoạt và các chất thải rắn khác với các đơn vị chuyên trách đảm bảo toàn bộ chất thải được xử lý đúng quy định trước khi thải ra môi trường.</p> <p>❖ Mặt khác, với đặc tính sản phẩm của Công ty là túi nilon tự phân hủy, quá trình sản xuất cũng như sản phẩm sẽ góp phần bảo vệ môi trường.</p>
--	---	--

**Xác nhận của đại diện theo pháp luật
của Công ty**

(Đã ký)

PHẠM ÁNH DƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

1. Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2. Ông Phạm Hoàng Việt	Ủy viên Hội đồng Quản trị
3. Ông Nguyễn Lê Trung	Ủy viên Hội đồng Quản trị
4. Ông Nguyễn Đức Dũng	Ủy viên Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm ngày 11/6/2012)
5. Ông Phạm Đình Ngu	Ủy viên Hội đồng Quản trị (bổ nhiệm ngày 11/6/2012)
6. Bà Hòa Thị Thu Hà	Ủy viên Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Nguyễn Lê Trung	Tổng Giám đốc
2. Ông Phạm Hoàng Việt	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 17/12/2012)
3. Ông Trần Hoàng Hoan	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Nguyễn Lê Trung
Tổng Giám đốc

Hải Dương, ngày 10 tháng 03 năm 2013

Số: /2013/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được lập ngày 10 tháng 03 năm 2013 của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (sau đây gọi tắt là “Công ty”) từ trang 5 đến trang 27 kèm theo. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc trang 2, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (TIẾP THEO)

Ý kiến (Tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo thông tư 179/2012/TT - BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 quy định việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Ảnh hưởng của việc Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS10) đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Khúc Đình Dũng

Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0748/KTV

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn

Tài chính Quốc tế (IFC)

Ngày 10 tháng 03 năm 2013

Phạm Thị Thu Hương

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1693/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÃ B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A – TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		432.666.442.423	293.530.113.786
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	102.486.009.195	20.599.578.713
1. Tiền	111		12.312.888.905	20.599.578.713
2. Các khoản tương đương tiền	112		90.173.120.290	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		129.977.407.409	129.627.120.763
1. Phải thu khách hàng	131		92.128.462.105	106.704.392.065
2. Trả trước cho người bán	132		34.347.487.870	20.084.054.942
3. Các khoản phải thu khác	135		3.501.457.434	2.838.673.756
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
III. Hàng tồn kho	140		174.927.141.263	118.972.165.857
1. Hàng tồn kho	141	5.2	174.927.141.263	118.972.165.857
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		25.275.884.556	24.331.248.453
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.238.225.122	2.506.526.421
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.861.654.120	10.069.515.864
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.3	17.176.005.314	11.755.206.168
B – TÀI SẢN DÀI HẠN	200		433.425.428.696	484.819.885.588
I. Tài sản cố định	220		346.868.593.955	352.059.147.188
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.4	314.719.224.704	344.320.838.900
- Nguyên giá	222		435.072.238.121	422.829.597.817
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(120.353.013.417)	(78.508.758.917)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.5	6.916.384.033	7.233.461.497
- Nguyên giá	228		8.158.030.564	8.158.030.564
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.241.646.531)	(924.569.067)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		25.232.985.218	504.846.791
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		80.500.000.000	129.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.6	79.000.000.000	79.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	50.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.7	1.500.000.000	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		6.056.834.741	3.760.738.400
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		6.056.834.741	3.760.738.400
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		866.091.871.119	778.349.999.374

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÃU B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		370.776.069.342	438.879.677.357
I. Nợ ngắn hạn	310		354.165.069.342	316.588.172.398
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8	229.171.132.347	263.748.994.814
2. Phải trả người bán	312	5.9	104.347.283.967	17.385.906.805
3. Người mua trả tiền trước	313		7.205.312.672	7.363.748.063
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	3.853.832.511	3.137.733.884
5. Phải trả người lao động	315		5.115.260.454	4.228.332.568
6. Chi phí phải trả	316		-	3.442.500.000
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.11	1.368.009.749	12.053.030.190
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.104.237.642	5.227.926.074
II. Nợ dài hạn	330		16.611.000.000	122.291.504.959
1. Vay và nợ dài hạn	334	5.12	16.611.000.000	122.228.854.740
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	62.650.219
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		495.315.801.777	339.470.322.017
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.13	495.315.801.777	339.470.322.017
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		198.000.000.000	99.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		130.933.926.549	107.100.000.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(136.946.856)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.820.994.172	7.106.686.273
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		9.699.567.924	6.394.577.025
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		8.151.433.866	4.073.424.158
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		138.709.879.266	115.932.581.417
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		866.091.871.119	778.349.999.374

Nguyễn Lê Trung
Tổng Giám đốc
Hải Dương, ngày 10 tháng 03 năm 2013

Hòa Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.048.449.925.148	936.945.010.917
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	1.762.131.233	630.946.150
3. Doanh thu thuần về bán hàng	10		1.046.687.793.915	936.314.064.767
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	880.771.681.466	756.277.916.714
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng	20		165.916.112.449	180.036.148.053
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.042.199.050	9.849.621.280
7. Chi phí tài chính	22	6.4	30.231.662.631	52.036.889.080
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		29.362.606.635	34.840.626.591
8. Chi phí bán hàng	24		59.319.287.384	52.028.634.916
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		28.616.811.057	24.371.005.470
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		48.790.550.427	61.449.239.867
11. Thu nhập khác	31		3.154.877.036	2.263.573.955
12. Chi phí khác	32		626.169.803	1.064.601.618
13 Lợi nhuận khác	40		2.528.707.233	1.198.972.337
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		51.319.257.660	62.648.212.204
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.5	7.743.992.162	8.362.054.228
16. Lợi nhuận sau thuế	60		43.575.265.498	54.286.157.976
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.6	3.832	5.483

Nguyễn Lê Trung
Tổng Giám đốc
Hải Dương, ngày 10 tháng 03 năm 2013

Hòa Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 03-DN
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	51.319.257.660	62.648.212.204
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao TSCĐ	02	42.161.331.964	31.664.348.148
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	2.457.336	239.182.336
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(140.155.564)	(1.079.090.065)
- Chi phí lãi vay	06	29.362.606.635	34.840.626.592
3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	122.705.498.031	128.313.279.215
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(12.052.734.630)	(360.703.055)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(55.954.975.406)	(40.136.988.405)
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	95.154.593.687	(45.341.636.021)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(3.027.795.042)	1.256.308.155
- Tiền lãi vay đã trả	13	(32.805.106.635)	(32.928.126.592)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(6.984.577.287)	(8.707.318.938)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	11.624.871.301	16.527.311.128
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(12.159.712.668)	(14.179.682.660)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	106.500.061.351	4.442.442.827
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(43.151.893.119)	(81.028.596.122)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	329.309.091	163.636.364
3. Tiền chi cho vay	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay	24	-	10.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.500.000.000)	(54.720.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	50.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	140.155.564	1.689.877.248
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	5.817.571.536	(123.895.082.510)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	122.833.926.549	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	765.129.585.281	792.975.583.543
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(905.325.302.488)	(662.123.959.528)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(13.051.153.273)	(10.527.065.127)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(30.412.943.931)	120.324.558.888
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	81.904.688.956	871.919.205
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	20.599.578.713	19.718.394.214
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(18.258.474)	9.265.294
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	102.486.009.195	20.599.578.713

Nguyễn Lê Trung
Tông Giám đốc
Hải Dương, ngày 10 tháng 03 năm 2013

Hòa Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0403000550 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 09 tháng 03 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 0800373586 đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 26 tháng 2 năm 2009. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 16 ngày 20 tháng 12 năm 2012.

Công ty có tên giao dịch: AN PHAT PLASTIC AND GREEN ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là ANPHAT., JSC.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương và Văn phòng đại diện tại Hà Nội: Số BT25B D3 A4, Khu Biệt thự Vườn Đào, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31/12/2012 là 1072 người (tại ngày 31/12/2011 là 1068 người).

Vốn điều lệ của Công ty

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 ngày 20 ngày 12 năm 2012, vốn điều lệ của Công ty là 198.000.000.000 đồng (Một trăm chín mươi tám tỷ đồng) với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Danh sách các cổ đông sáng lập của Công ty như sau:

STT	Tên cổ đông	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần
1	Phạm Ánh Dương	Phổ thông	1.854.000	18.540.000.000
2	Phạm Hoàng Việt	Phổ thông	879.300	8.793.000.000
3	Nguyễn Lê Trung	Phổ thông	236.700	2.367.000.000
4	Nguyễn Đức Dũng	Phổ thông	30.000	300.000.000

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa, bao bì nhựa các loại;
- Sản xuất các sản phẩm nhựa (PP, PE);
- In và các dịch vụ in quảng cáo trên bao bì;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Mua bán hàng may mặc;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế, chuyên giao công nghệ;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa;
- Vận chuyển hàng hoá, hành khách bằng ô tô và các hoạt động phụ trợ cho vận tải;
- Hoạt động thu gom, xử lý tiêu huỷ rác thải;
- Tái chế phế liệu; và
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất rác thải; sản xuất máy móc thiết bị phục vụ ngành nhựa.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT - BTC về hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp có hiệu lực áp dụng từ ngày 15/02/2010.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc và thiết bị	8 - 10
Phương tiện vận tải	8 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	5
Tài sản khác	3

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm máy vi tính.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất Nhà máy 1	50
Quyền sử dụng đất Nhà máy 2 và Nhà máy 3	25
Phần mềm máy vi tính	3

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012 Bộ Tài chính ban hành Thông tư 179/2012/TT - BTC quy định việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT – BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Theo đó, việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) làm lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 tăng 247.452.245 đồng so với lợi nhuận trước thuế khi áp dụng Thông tư 179.

Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua đồng thời xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Giá vốn bán hàng được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Tại thời điểm lập báo cáo, Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy số 1 và Nhà máy số 3. Thuế suất thuế thu nhập đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy 2, hoạt động thương mại và hoạt động khác của Công ty là 25%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	658.316.552	380.334.790
Tiền gửi ngân hàng	11.654.572.353	20.219.243.923
Các khoản tương đương tiền	90.173.120.290	-
Cộng	<u>102.486.009.195</u>	<u>20.599.578.713</u>

Tại ngày 31/12/2012, Công ty có các khoản tương đương tiền trị giá 90.173.120.290 VND chi tiết như sau: Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương với số tiền: 950.955USD kỳ hạn 1 tháng, lãi suất 0,5%/năm và 500.000.000VND kỳ hạn 1 tháng lãi suất 9%/năm; Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với số tiền gửi 70.000.000.000 VND kỳ hạn 3 tháng lãi suất 9%/năm. Tất cả các khoản tiền gửi trên đều đã được Công ty sử dụng để đảm bảo các khoản vay.

5.2. Hàng tồn kho

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	690.760.620
Nguyên liệu, vật liệu	121.644.004.772	66.865.935.707
Công cụ, dụng cụ	3.875.544.832	5.289.401.334
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.809.024.855	8.232.684.949
Thành phẩm	37.598.566.804	37.893.383.247
Cộng	<u>174.927.141.263</u>	<u>118.972.165.857</u>

Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31/12/2012 là 174.927.141.263 đồng.

5.3. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	42.678.971	231.018.856
Tạm ứng	14.373.044.022	2.397.570.158
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.760.282.321	9.126.617.154
Cộng	<u>17.176.005.314</u>	<u>11.755.206.168</u>

5.4. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm, súc vật làm việc, cho sản phẩm	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ							
Số dư tại ngày 01/01/2012	57.207.267.961	320.842.185.697	31.031.755.256	1.559.530.903	11.195.483.000	993.375.000	422.829.597.817
Mua trong kỳ	-	535.494.553	5.853.389.945	404.454.546	2.573.500.000	-	9.366.839.044
Đầu tư XDCB hoàn thành	3.889.137.791	-	-	-	-	-	3.889.137.791
Thanh lý, nhượng bán	18.000.000	245.019.476	583.246.364	167.070.691	-	-	1.013.336.531
Số dư tại ngày 31/12/2012	61.078.405.752	321.132.660.774	36.301.898.837	1.796.914.758	13.768.983.000	993.375.000	435.072.238.121
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư tại ngày 01/01/2012	7.741.855.817	63.496.077.810	5.974.658.783	593.020.860	689.768.127	13.377.520	78.508.758.917
Khấu hao trong kỳ	3.930.453.194	33.504.262.492	3.701.033.220	362.147.839	696.171.614	102.341.676	42.296.410.035
Thanh lý, nhượng bán	18.000.000	218.829.031	87.486.984	127.839.520	-	-	452.155.535
Số dư tại ngày 31/12/2012	11.654.309.011	96.781.511.271	9.588.205.019	827.329.179	1.385.939.741	115.719.196	120.353.013.417
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày 01/01/2012	49.465.412.144	257.346.107.887	25.057.096.473	966.510.043	10.505.714.873	979.997.480	344.320.838.900
Tại ngày 31/12/2012	49.424.096.741	224.351.149.503	26.713.693.818	969.585.579	12.383.043.259	877.655.804	314.719.224.704

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2012 là 314.719.224.704 đồng.

5.5. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2012	8.092.644.904	65.385.660	8.158.030.564
Số dư tại ngày 31/12/2012	8.092.644.904	65.385.660	8.158.030.564
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2012	867.958.407	56.610.660	924.569.067
Khấu hao trong kỳ	313.177.464	3.900.000	317.077.464
Số dư tại ngày 31/12/2012	1.181.135.871	60.510.660	1.241.646.531
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư tại ngày 01/01/2012	7.224.686.497	8.775.000	7.233.461.497
Số dư tại ngày 31/12/2012	6.911.509.033	4.875.000	6.916.384.033

5.6. Đầu tư vào Công ty con

Đây là khoản đầu tư góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái (sau đây gọi tắt là “Công ty con”) theo quyết định số 0109/2009/NQ-HĐQT ngày 5/9/2009 của Chủ tịch Hội đồng quản trị, theo đó Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát góp vốn 79.000.000.000 đồng trong tổng số 86.000.000.000 đồng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái, tỷ lệ góp vốn là 91,36%. Công ty con được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh và Đăng ký thuế công ty cổ phần số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp ngày 1/10/2009. Hiện tại Công ty con đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 25 tháng 04 năm 2011, trụ sở của Công ty con tại Khu công nghiệp phía nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty con là khai thác đá, dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; sản xuất kinh doanh các sản phẩm nhựa; vận tải hàng hóa bằng đường bộ, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, sản xuất các sản phẩm nhựa (PP,PE); dịch vụ liên quan đến in, bán lẻ xi măng, gạch xây, vật liệu xây dựng khác; thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải.

5.7. Đầu tư khác

Đây là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Truyền thông Bình Minh dưới hình thức mua trái phiếu theo hợp đồng đặt mua trái phiếu ngày 26/7/2012 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Truyền thông Bình Minh và Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát về việc mua trái phiếu chuyển đổi tổng mệnh giá 1.500.000.000 VND, đáo hạn năm 2014 với lãi suất 18%/năm. Công ty Cổ phần Truyền thông Bình Minh có địa chỉ tại P 302, nhà D, khu nhà Vinaconex 3, phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội. Công ty được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102726217 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 21/04/2008.

5.8. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hải Dương (i)	61.518.462.259	133.055.451.123
Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex (ii)	13.227.383.758	85.749.604.786
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam (iii)	23.271.049.002	44.943.938.905
Ngân hàng Công thương VN - CN Hải Dương (iv)	89.843.040.185	-
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (v)	30.296.830.983	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhai Vietnam (vi)	11.014.366.160	-
Cộng	<u>229.171.132.347</u>	<u>263.748.994.814</u>

(i) Đây là các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương, trong đó số dư tiền vay có gốc ngoại tệ là 2.122.695 USD và số dư tiền vay bằng đồng Việt Nam là 17.306.982.747 đồng.

(ii) Đây là các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex trong đó số dư tiền vay có gốc ngoại tệ là 635.077 USD.

(iii) Đây là các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam), trong đó số dư tiền vay có gốc ngoại tệ là 1.117.296 USD.

(iv) Đây là các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương, trong đó số dư tiền vay có gốc ngoại tệ là 2.331.635 USD và số dư tiền vay bằng đồng Việt Nam là 41.279.746.405 đồng.

(v) Đây là các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ trong đó số dư tiền vay có gốc ngoại tệ là 1.454.620 USD.

(vi) Đây là các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH một thành viên Shinhan Vietnam trong đó số dư tiền vay có gốc ngoại tệ là 372.757 USD và số dư tiền vay bằng đồng Việt Nam là 3.250.583.364 đồng.

5.9. Phải trả người bán

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải trả nhà cung cấp nước ngoài	8.720.197.853	11.884.565.509
Phải trả nhà cung cấp trong nước	95.627.086.114	5.501.341.296
Cộng	<u>104.347.283.967</u>	<u>17.385.906.805</u>

Theo kế hoạch sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc cho năm 2013, Công ty dự kiến mở rộng sản xuất kinh doanh tại nhà máy số 1 nên đã dự trữ một lượng lớn hàng tồn kho để đáp ứng nhu cầu sản xuất trong năm, do đó khoản công nợ phải trả cho các nhà cung cấp cũng tăng theo.

5.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.807.707.631	3.048.292.756
Thuế thu nhập cá nhân	46.124.880	89.441.128
Cộng	3.853.832.511	3.137.733.884

5.11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	30.819.654	25.573.274
Bảo hiểm xã hội	-	10.658.575
Tiền ăn ca của cán bộ công nhân viên	190.833.192	81.782.355
Cổ tức phải trả	5.192.000	11.253.340.917
Phải trả, phải nộp khác	1.141.164.903	681.675.069
Cộng	1.368.009.749	12.053.030.190

5.12. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương	-	1.221.854.740
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (i)	16.011.000.000	32.007.000.000
Ngân hàng Công Thương - CN Hải Dương (ii)	600.000.000	-
Vay dài hạn khác	-	35.000.000.000
Trái phiếu phát hành (iii)	-	54.000.000.000
Cộng	16.611.000.000	122.228.854.740

(i) Đây là các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex, lãi suất của các khoản vay này khoảng 14,5% /năm, toàn bộ số dư tiền vay bằng đồng Việt Nam.

(ii) Đây là các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương, lãi suất của các khoản vay này khoảng 11%/năm, toàn bộ số dư tiền vay bằng đồng Việt Nam. Các khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị tài sản cố định của Công ty.

(iii) Thực hiện theo Quyết định số 0101/2009/QĐ-HĐQT ngày 8 tháng 1 năm 2009 của Hội đồng quản trị về thông qua phương án phát hành và sử dụng nguồn vốn huy động từ phát hành trái phiếu. Ngày 13 tháng 04 năm 2009, Công ty đã thực hiện huy động 54.000.000.000 đồng thông qua việc phát hành 54 trái phiếu chuyển đổi có thể mua lại với mệnh giá trái phiếu là 1.000.000.000 đồng/trái phiếu với kỳ hạn 3 năm và có thể gia hạn thêm 1 năm, lãi suất trái phiếu là 8,5%/năm. Tại thời điểm 31/12/2012 toàn bộ số trái phiếu trên đã được tất toán theo các hợp đồng mua trái phiếu.

5.13. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tur của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại 1/1/2011	99.000.000.000	107.100.000.000	261.744.862	2.580.392.451	2.458.966.203	2.579.785	111.435.655.481	322.839.338.782
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	54.286.157.976	54.286.157.976
Trích lập các quỹ	-	-	-	4.526.293.822	4.526.293.822	6.336.811.350	(31.684.056.752)	(16.294.657.758)
Tăng khác	-	-	1.557.779.625	-	-	-	-	1.557.779.625
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	4.000.000	(18.105.175.288)	(18.101.175.288)
Chi tiền quỹ	-	-	-	-	(590.683.000)	(2.269.966.977)	-	(2.860.649.977)
Giảm khác	-	-	(1.956.471.343)	-	-	-	-	(1.956.471.343)
Số dư tại 31/12/2011	99.000.000.000	107.100.000.000	(136.946.856)	7.106.686.273	6.394.577.025	4.073.424.158	115.932.581.417	339.470.322.017
Tăng vốn trong kỳ	99.000.000.000	23.833.926.549	-	-	-	-	-	122.833.926.549
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	43.575.265.498	43.575.265.498
Trích lập các quỹ (i)	-	-	-	2.714.307.899	2.714.307.899	3.800.031.059	(19.000.155.293)	(9.771.508.436)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	-	-	(10.850.400.000)	(10.850.400.000)
Tăng khác (ii)	-	-	309.473.509	-	590.683.000	455.449.449	9.052.587.644	10.408.193.602
Chi tiền quỹ	-	-	-	-	-	(177.470.800)	-	(177.470.800)
Giảm khác	-	-	(172.526.653)	-	-	-	-	(172.526.653)
Số dư tại 31/12/2012	198.000.000.000	130.933.926.549	-	9.820.994.172	9.699.567.924	8.151.433.866	138.709.879.266	495.315.801.777

(i) Phân chia lợi nhuận của năm 2011 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 1106/2012/NQ-ĐHĐ ngày 11 tháng 6 năm 2012 của Đại hội đồng cổ đông. Theo đó, tỷ lệ phân bổ lợi nhuận cho các quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển là 5%, riêng quỹ khen thưởng là 15% lợi nhuận năm 2011. Chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu là 10.850.400.000 đồng.

(ii) Khoản tăng khác của Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là do điều chỉnh phương án chia cổ tức năm 2010 theo Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên số 1106/2012/NQ-ĐHĐ ngày 11 tháng 06 năm 2012. Theo đó, tổng số tiền chi trả cổ tức bằng 10% lợi nhuận sau thuế năm 2010 của Công ty, tương đương với tỷ lệ 9,14%/cổ phần (Biên bản họp ĐHCĐ số 0601/2011/NQ-ĐHĐ ngày 9/6/2011 thông qua phương án chia cổ tức bằng 20% lợi nhuận sau thuế năm 2010).

5. 13. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	198.000.000.000	99.000.000.000
Cộng	198.000.000.000	99.000.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	99.000.000.000	99.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	99.000.000.000	-
- Vốn góp cuối năm	198.000.000.000	99.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	10.850.400.000	18.105.175.288

Cổ phiếu

	31/12/2012	01/01/2012
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.800.000	9.900.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.800.000	9.900.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>19.800.000</i>	<i>9.900.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.800.000	9.900.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>19.800.000</i>	<i>9.900.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1. Doanh thu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng hóa	124.775.257.434	56.133.995.203
Doanh thu bán các thành phẩm	923.674.667.714	880.811.015.714
Cộng	1.048.449.925.148	936.945.010.917
	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.762.131.233	630.946.150
Trong đó:		
- Giảm giá hàng bán	612.192.078	343.214.500
- Hàng bán bị trả lại	1.149.939.155	287.731.650

6.2. Giá vốn

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn của hàng hóa	120.077.699.041	52.232.380.591
Giá vốn của thành phẩm	760.693.982.425	704.045.536.123
Cộng	880.771.681.466	756.277.916.714

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	79.997.994	1.079.090.065
Lãi chênh lệch tỷ giá	890.451.056	8.770.531.215
Lãi từ đầu tư trái phiếu	71.750.000	-
Cộng	1.042.199.050	9.849.621.280

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	29.362.606.635	34.840.626.591
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	869.055.996	17.196.262.489
Cộng	30.231.662.631	52.036.889.080

6.5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng thu nhập trước thuế thu nhập doanh nghiệp	51.319.257.660	62.648.212.204
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Chi phí không được trừ</i>	826.766.010	1.702.672.530
Tổng thu nhập chịu thuế	52.146.023.670	64.350.884.734
<i>Trong đó:</i>		
Thu nhập chịu thuế được hưởng ưu đãi	42.340.110.049	61.805.335.644
Thu nhập chịu thuế không hưởng ưu đãi	9.805.913.621	2.545.549.090
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Tỷ lệ thuế được giảm	50%	50%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	7.743.992.162	8.362.054.228
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.743.992.162	8.362.054.228

6.6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	43.575.265.498	54.286.157.976
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	43.575.265.498	54.286.157.976
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	11.370.249	9.900.000
Lãi cơ bản trên một cổ phiếu	3.832	5.483
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

6.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên vật liệu	923.956.963.100	810.684.736.040
Chi phí nhân công	57.437.738.757	40.783.430.323
Chi phí khấu hao tài sản cố định	42.613.487.499	31.664.348.148
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.509.289.937	47.436.338.627
Chi phí khác bằng tiền	13.577.830.617	12.167.678.242
Cộng	1.091.095.309.910	942.736.531.380

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1. Công cụ tài chính

Áp dụng quy định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày, thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.8 “Vay và nợ ngắn hạn” và 5.12 “Vay và nợ dài hạn” trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4. “Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu”.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	102.486.009.195	20.599.578.713
Phải thu khách hàng và phải thu khác	95.629.919.539	109.543.065.821
Đầu tư dài hạn	1.500.000.000	-
Cộng	199.615.928.734	130.142.644.534
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	245.782.132.347	385.977.849.554
Phải trả người bán và phải trả khác	105.715.293.716	29.438.936.995
Chi phí phải trả	-	3.442.500.000
Cộng	351.497.426.063	418.859.286.549

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

7.1 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị còn lại của các tài sản tài chính và công nợ tài chính có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản (USD)	
	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.038.983,00	925.466,99
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.431.078,24	3.380.976,09
Cộng	<u>4.470.061,24</u>	<u>4.306.443,08</u>
	Công nợ phải trả (USD)	
	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	8.034.081,00	9.465.741,48
Phải trả người bán và phải trả khác	4.591.589,00	264.447,00
Cộng	<u>12.625.670,00</u>	<u>9.730.188,48</u>

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

7.1 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2012			
Các khoản vay	229.171.132.347	16.611.000.000	245.782.132.347
Phải trả người bán và phải trả khác	105.715.293.716	-	105.715.293.716
Chi phí phải trả	-	-	-
Cộng	<u>334.886.426.063</u>	<u>16.611.000.000</u>	<u>351.497.426.063</u>
Tại ngày 01/01/2012			
Các khoản vay	263.748.994.814	122.228.854.740	385.977.849.554
Phải trả người bán và phải trả khác	29.438.936.077	-	29.438.936.077
Chi phí phải trả	3.442.500.000	-	3.442.500.000
Cộng	<u>296.630.430.891</u>	<u>122.228.854.740</u>	<u>418.859.285.631</u>

7.1 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	102.486.009.195	-	102.486.009.195
Phải thu khách hàng và phải thu khác	95.629.919.539	-	95.629.919.539
Đầu tư dài hạn	-	1.500.000.000	1.500.000.000
Cộng	198.115.928.734	1.500.000.000	199.615.928.734
Tại ngày 01/01/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.599.578.713	-	20.599.578.713
Phải thu khách hàng và phải thu khác	109.543.065.821	-	109.543.065.821
Cộng	130.142.644.534	-	130.142.644.534

7.2. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được hưởng trong năm 2012 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Hội đồng quản trị			660.000.000	660.000.000
Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch HĐQT	Thù lao HĐQT	180.000.000	180.000.000
Ông Nguyễn Lê Trung	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Đức Dũng	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	60.000.000	120.000.000
Ông Phạm Đình Ngu	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	60.000.000	-
Ông Phạm Hoàng Việt	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	120.000.000	120.000.000
Bà Hòa Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ban kiểm soát			264.000.000	264.000.000
Ông Lê Thái Hưng	Trưởng BKS	Thù lao BKS	120.000.000	120.000.000
Bà Vũ Thị Thúy Nguyễn	Thành viên BKS	Thù lao BKS	72.000.000	72.000.000
Bà Văn Thị Lan Anh	Thành viên BKS	Thù lao BKS	72.000.000	72.000.000
Ban Tổng Giám đốc			1.014.000.000	859.220.000
Ông Nguyễn Lê Trung	Tổng Giám đốc	Tiền lương	552.000.000	442.690.000
Ông Phạm Hoàng Việt	Phó Tổng Giám đốc	Tiền lương	-	-
Ông Trần Hoàng Hoan	Phó Tổng Giám đốc	Tiền lương	462.000.000	416.530.000

Giao dịch với các bên liên quan phát sinh trong năm 2012 như sau:

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng	94.068.735.964	25.688.188.805
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	94.068.735.964	25.688.188.805
Doanh thu bán tài sản cố định	-	63.636.364
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	-	63.636.364
Mua hàng hóa, dịch vụ	57.662.300.029	51.903.781.185
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	57.662.300.029	51.903.781.185
Số dư với các bên liên quan:		
	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu	38.268.137.000	17.791.689.250
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	38.268.137.000	17.791.689.250
Trả trước cho người bán	-	2.173.030.875
Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái	-	2.173.030.875

7.3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

7.4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Nguyễn Lê Trung
Tổng Giám đốc

Hải Dương, ngày 10 tháng 03 năm 2013

Hòa Thị Thu Hà
Kế toán trưởng